

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hán Thị H, sinh năm 1991,

ĐKHKT: khu 4, xã S, huyện L, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989,

ĐKHKT: khu 4, xã S, huyện L, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hán Thị N, sinh năm 1967.

ĐKHKT: khu 5, xã V, huyện T, tỉnh P.

(Chị H, bà N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hán Thị H trình bày: chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian vợ chồng anh chị đi

xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó nay giữa chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị Hán Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 19/01/2014 và cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 17/01/2019. Sau khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh T và giao và cháu L cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn sửa chữa, bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/3/2025 chị H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, cụ thể: chị H đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị H đang ở nước ngoài, chị H đề nghị Tòa án tạm giao 02 cháu H và L cho bà Hán Thị N (mẹ đẻ chị H) sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung trong thời gian chị ở nước ngoài.

Về tài sản chung: chị H và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Hán Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Hán Thị H xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Chị Hán Thị H đề nghị Tòa án không T hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

- Phía bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện nay đang ở nước ngoài, chị H trình bày chị không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan nên chị không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh T cho Tòa án được. Chị H đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh T ở Đài Loan thông qua bố mẹ đẻ của anh T là Ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị L.

Thân nhân của anh Nguyễn Văn T - ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị L trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T, hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở chỗ nào tại Đài Loan vì anh T không nói cho ông bà biết. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T tại Đài Loan cho Tòa án. Ông T, bà L từ chối nhận thay anh T các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị H tại Tòa án. Về việc chị H nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh T ông T, bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hán Thị N trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị H. Về việc chị H khởi kiện ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung bà N có quan điểm hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H. Bà N đề nghị Tòa án tạm giao

cháu H và cháu L cho bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài, khi nào chị H trở về Việt Nam bà sẽ bàn giao cháu H và cháu L cho chị H. Bà N không yêu cầu chị H, anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trong thời gian bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và cháu L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị H. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Hán Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: giao cháu H và cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H ở nước ngoài tạm giao cháu H và cháu L cho bà Hán Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H trở về Việt Nam. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Hán Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hán Thị H nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị H trình bày hiện nay cả chị H và anh T đều đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số 1340/QLXNC-Đ1 ngày 08/11/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận chị H và anh T đều đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này cả chị H và anh T đều không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không T hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án T hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị H đề nghị xin ly hôn với anh T và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T tại Việt Nam là khu 4, xã S, huyện L, tỉnh P mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua bố mẹ đẻ của anh T là ông Nguyễn Trung T và bà Nguyễn Thị L cung cấp thông tin: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu tại Đài Loan. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T tại Đài Loan cho Tòa án được.

Ông T, bà L từ chối nhận thay anh T các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T. Tòa án đã T hành niêm yết công khai, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án T hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hán Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh P vào ngày 25/9/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh T đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị H được chấp nhận.

- Về con chung: chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 19/01/2014 và cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 17/01/2019. Sau khi ly hôn chị H có mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng do điều kiện hoàn cảnh hiện nay chị H đang phải đi nước ngoài lao động nên chị H đề nghị Tòa án tạm giao các con chung cho mẹ đẻ là bà Hán Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng giúp chị trong thời gian chị đi nước ngoài.

Xét thấy: hiện nay chị H và anh T đều đang ở nước ngoài, anh T không có lời trình bày tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Bà N hoàn toàn nhất trí với quan điểm của chị H về con chung, bà đề nghị Tòa án tạm giao các con chung của anh T và chị H cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H ở nước ngoài. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với bố mẹ anh T thì được cung cấp anh T không có quan điểm gì về việc ly hôn và con chung, cháu H cũng không trình bày nguyện vọng muốn được ở với ai sau ly hôn. Xét thấy trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là của cha mẹ nhưng đến nay anh T không có ý kiến gì mà chỉ có chị H đề nghị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Do vậy, để đảm bảo các điều kiện phát triển tốt nhất cho các con chung của chị H và anh T thì cần giao cháu H và cháu L cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

sau khi anh chị ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. Trong thời gian chị H ở nước ngoài cần tạm giao cháu H và cháu L cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H quay trở về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hán Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: giao cháu cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 19/01/2014 và cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 17/01/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian chị H ở nước ngoài tạm giao cháu H và cháu L cho bà Hán Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H trở về Việt Nam.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hán Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Hán Thị H (do chị Đỗ Kiều Trang nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000471 ngày 13/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: bà Hán Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của chị Hán Thị H và anh Nguyễn Văn T là 01 (một)

tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh